

Bản án số: 265/2019/HSPT

Ngày: 31/10/2019

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Xuân Tuấn

Các thẩm phán: Bà Lê Thị Dung

Bà Hoàng Lan Phương

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hương

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Hữu Đức - Kiểm sát viên

Ngày 31/10/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 220/2019/HSPT ngày 17 tháng 9 năm 2019.

Đối với bị cáo Lê Văn M, Lê Văn H, do có kháng cáo của bị hại Trương Xuân D đối với Bản án số 31/2019/HSST ngày 13/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

Bị cáo bị kháng cáo:

1. Lê Văn M - Sinh ngày 15/9/1996.

Nơi cư trú: Thôn Án Đình, xã TB, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; con ông: Lê Văn H và bà Trịnh Thị C; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị cáo tại ngoại, có mặt.

2. Lê Văn H - Sinh ngày: 09/01/2001

Nơi cư trú: Thôn Án Đình, xã TB, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Học sinh; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; con ông: Lê Văn H và bà Trịnh Thị C; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị cáo tại ngoại, có mặt.

Bị hại có kháng cáo: Trương Xuân D, sinh năm 1994, trú tại thôn Án Đình, xã TB, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại: Luật sư Trịnh Ngọc N và Nguyễn Thu H, Công ty Luật hợp danh HG, Đoàn Luật sư Thanh Hóa, có mặt.

Người làm chứng:

- Đỗ Thị C, sinh năm 1976, trú tại thôn Án Đình, xã TB, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa, có mặt.

- Anh Nguyễn Phương N, sinh năm 1993, trú tại thôn Yên Khánh, xã TB, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa, vắng mặt.

- Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1994, trú tại thôn Yên Khánh, xã TB, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa, có mặt.

- Nguyễn Hữu V, sinh năm 1971, trú tại thôn Án Đình, xã TB, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 07/11/2018, Lê Văn M cùng với em trai ruột là Lê Văn H và một số người khác đang ngồi uống nước tại quán của gia đình bà Đỗ Thị C ở thôn Ân Đình, xã TB thì Trương Xuân D đến ngồi cùng bàn. Do có tên trong danh sách khám tuyển nghĩa vụ quân sự, nghĩ là do M đưa mình vào danh sách nên D bức tức chửi bới, xảy ra mâu thuẫn, cãi vã lẫn nhau với M và H. Lúc này D dùng tay tát vào mặt H, rồi tiếp tục lấy chiếc điều cày ở quán đập vào đầu H. Ngay lúc đó, M đứng dậy thì bị D dùng điều cày đánh vào người M còn H xông vào giằng lấy chiếc điều cày trong tay D, đập một cái trúng vào vai trái D. Lúc này M nhặt lấy con dao bìa, lưỡi bằng kim loại sắc trên nền quán (con dao của gia đình bà C), M cầm dao bằng tay phải vung lên chém một nhát từ trên xuống trúng vào trán của D, làm D loạng choạng, lùi lại vướng vào chiếc xe mô tô trong quán nên bị ngã. Thấy vậy, H lao vào ôm lấy D để M cầm dao tiếp tục xông vào chém liên tiếp vào vùng đầu, vai, cánh tay của D gây thương tích. Lúc này, mọi người can ngăn kéo M và H ra nên D bỏ chạy ra ngoài và được đưa đi cấp cứu, điều trị, còn M và H bỏ dao, điều tại hiện trường rồi bỏ đi về nhà.

Theo kết quả khám thương ban đầu và hồ sơ bệnh án của bệnh viện đa khoa huyện Thạch Thành, xác định Trương Xuân D bị thương tích như sau:

- Vết thương mặt sau cổ tay phải, kích thước (3x1) cm, sâu 01cm, chiều hướng ngang, bờ mép sắc gọn, chảy máu.
- Vết thương vùng vai phải, dài 08cm, rộng 05cm, sâu 03cm sát xương bả vai, chiều hướng từ trên xuống, bờ mép sắc gọn, chảy máu.
- Vết thương vùng trán bên trái lóc da, dài 05cm, rộng 02cm, sâu sát xương trán, vết thương hình vòng cung, bờ mép sắc gọn.
- Vết thương phía sau tai trái, dài 05cm, rộng 02cm, sâu sát xương chũm, vết thương có bờ mép sắc gọn, chiều hướng ngang.
- Vết thương vùng đỉnh đầu, dài 08cm, rộng 03cm, sâu sát xương sọ, bờ mép sắc gọn, chiều hướng từ trên xuống, từ trái qua phải, đang chảy máu.
- Vết thương vùng đỉnh đầu dài 06cm, rộng 3cm, sâu sát xương, bờ mép sắc gọn, chiều hướng ngang, đang chảy máu.

Kết luận giám định pháp y về thương tích số 810/2018/TTPY ngày 28/12/2018 và Kết luận giám định bổ sung về cơ chế hình thành thương tích số 811/2019/TTPY ngày 02/01/2019 của Trung tâm pháp y tỉnh Thanh Hóa kết luận: Hiện tại tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tính theo phương pháp cộng lùi đối với Trương Xuân D là 24%; các vết thương trên cơ thể D do vật có cạnh sắc gây ra và con dao có cán gỗ, lưỡi bằng kim loại có thể gây ra các vết thương nêu trên cho Trương Xuân D.

Sau khi gây thương tích cho D thì Lê Văn M đã đến Công an huyện Thạch Thành đầu thú.

Quá trình điều tra, H khai nhận do bị D đánh trước nên H xông vào giằng lấy điều cày để đánh trả lại D, khi thấy M dùng dao chém D thì H xông vào ôm D để M tiếp tục chém gây thương tích cho D.

Đối với Trương Xuân D cũng đã có hành vi dùng tay tát H, dùng điều cày đánh H và M nhưng không gây ra thương tích đáng kể. H và M đã từ chối giám định thương tích, không yêu cầu giải quyết nên không có cơ sở để xử lý trách nhiệm hình sự đối với D. Cơ quan điều tra đã tách hồ sơ để xử lý hành chính đối với Trương Xuân D.

Về vật chứng vụ án: Quá trình điều tra, đã thu giữ 01 con dao bài lưỡi dao bằng kim loại dài 23,5 cm, cán bằng gỗ dài 13 cm; 01 chiếc điều cày dài 65cm, đường kính 4,5cm, một đầu được bọc bằng kim loại màu trắng, thân điều màu vàng, sơn hình rồng màu đen, nỏ điều bằng kim loại.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, bị hại Trương Xuân D đã yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại về sức khỏe tổng số tiền là 77.486.000 đồng. Các bị cáo đã bồi thường cho bị hại được số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng). Anh D yêu cầu các bị cáo bồi thường tiếp số tiền 27.486.000 đồng.

Do có hành vi nêu trên, tại Bản án số 31/2019/HSST ngày 13/08/2019 của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành đã quyết định: Lê Văn M, Lê Văn H phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng: Điểm đ Khoản 2 Điều 134; điểm b, e, s Khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17, 58, 65 BLHS; áp dụng thêm Khoản 1 Điều 101 BLHS đối với H. Xử phạt Lê Văn M 30 (ba mươi) tháng tù, cho hưởng án treo; Xử phạt Lê Văn H 12 (mười hai) tháng tù, cho hưởng án treo.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên buộc Lê Văn M phải bồi thường tiếp cho Trương Xuân D số tiền 27.486.000đ và lãi suất chậm trả; tuyên án phí, tuyên xử lý tang vật và quyền kháng cáo.

Sau án sơ thẩm xử, ngày 20/8/2018, bị hại Trương Xuân D có đơn kháng cáo với nội dung: Hình phạt của bản án sơ thẩm đối với các bị cáo quá nhẹ, yêu cầu phải xử án giam đối với các bị cáo và hành vi của các bị cáo M, H là phạm tội “Giết người”. Anh D không đồng ý với mức bồi thường của bản án sơ thẩm đã tuyên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như trong bản án sơ thẩm đã nêu

Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Bản án sơ thẩm xét xử các bị cáo M, H về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ Khoản 2 Điều 134 BLHS và quyết định hình phạt cũng như phần bồi thường dân sự trong phần quyết định của bản án là có căn cứ. Anh D kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt, tăng bồi thường, không cho bị cáo hưởng án treo và hành vi của các bị cáo giết người là không có căn cứ. Đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bị hại, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Các Luật sư có ý kiến tranh luận: Luật sư H cho rằng việc xét xử các bị cáo M, H về tội “Cố ý gây thương tích” là chưa đúng tội của các bị cáo. Quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm còn có việc vi phạm nghiêm trọng về tố tụng như không chỉ định luật sư bào chữa cho bị cáo H, không thu thập đầy đủ lời khai của người làm chứng (anh V). Theo Luật sư thì việc kết luận anh D bị tổn thương cơ thể 24% sức khỏe là không đúng, anh D còn bị chấn động não. Việc M cầm dao chém anh D

nhieu nhất là rất nguy hiểm đến tính mạng và thể hiện M mong muốn tước đoạt sinh mạng sống của anh D. Hành vi của M và H là “Giết người” chứ không phải “Cố ý gây thương tích”.

Theo Luật sư H thì việc thỏa thuận bồi thường chưa đảm bảo quyền lợi của anh D. Ngoài tổn hại về sức khỏe, anh D còn bị tổn hại về tinh thần. Theo tính toán của Luật sư thì các bị cáo phải bồi thường cho anh D số tiền 67.000.000đ mới thỏa đáng, mới đảm bảo quyền lợi của anh D. Luật sư đề nghị hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho cấp sơ thẩm để điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo M, H về tội “Giết người”.

Theo Luật sư N thì M khai không chém anh D thì anh D sẽ đánh em trai mình nên bị cáo M đã cố tình chém anh D nhiều nhất. Lúc anh D ngã rồi M vẫn tiếp tục xông vào chém liên tiếp, thể hiện M cố tình thực hiện tội phạm đến cùng. M khai bị kích động do việc D đánh H là không có căn cứ, anh D không chết là ngoài ý muốn của bị cáo. Việc kết luận anh D bị tổn thương cơ thể 24% sức khỏe là không đúng, Luật sư đề nghị cho anh D được đi giám định lại thương tích. Theo luật sư, hành vi của M và H là “Giết người” chứ không phải “Cố ý gây thương tích”.

Bị hại không bổ sung thêm ý kiến gì vào ý kiến của các Luật sư.

Các bị cáo tranh luận: Do bức xúc với hành vi của D, bị kích động, không kiềm chế được bản thân nên đã có hành vi dùng dao chém anh D, gây thương tích. Các bị cáo không có ý định giết anh D như các Luật sư nói.

Trong phần tranh luận và đối đáp lại, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm đã phát biểu trước đó.

Lời nói sau cùng, các bị cáo không đồng tình với ý kiến bị hại và ý kiến của Luật sư quy kết cho các bị cáo là “Giết người”.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Quá trình điều tra và xét xử ở cấp sơ thẩm, bị cáo không có KH nại gì về hành vi, về quyết định của người tiến hành tố tụng và của Cơ quan tiến hành tố tụng.

Các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng, Cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền và hợp pháp theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra, Điều tra viên đã giải thích cho bị cáo H được biết về quyền và nghĩa vụ của bị can, bị can H không yêu cầu chỉ định Luật sư.

Tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm, bị cáo H đã trên 18 tuổi nên không cần thiết phải chỉ định Luật sư cho bị cáo H.

Đơn kháng cáo của bị hại trong thời hạn luật định nên cần được xem xét theo quy định của pháp luật.

[2] Lời khai nhận của các bị cáo và bị hại tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ và nhận định của bản án sơ thẩm thể hiện: Vào khoảng 17 giờ 30 phút ngày 07/11/2018, trong lúc cùng uống nước tại quán của gia

đình bà Đỗ Thị C ở thôn Ân Đình, xã TB, huyện Thạch Thành thì Lê Văn M và Lê Văn H đã xảy ra mâu thuẫn với Trương Xuân D. Tại đây, D đã dùng tay và điều cày đánh H trước. Do bức tức, M và H đã xông vào đánh lại D. Lúc này H giật lấy điều cày trên tay D đánh lại D rồi xông vào ôm D để cho M chém vào đầu, vai và cánh tay của D, gây thương tích, làm anh D bị tổn thương cơ thể 24 % sức khỏe.

Hành vi của Lê Văn M và Lê Văn H phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ Khoản 2 Điều 134 BLHS như bản án sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội.

Xét kháng cáo của bị hại, thấy rằng:

Đây là vụ án hình sự có tính chất đồng phạm giản đơn do Lê Văn M và Lê Văn H thực hiện. Trong đó M là người trực tiếp gây thương tích cho anh D nên có vai trò thứ nhất, H là người giúp sức nên có vai trò thứ hai như bản án sơ thẩm nhận định là có căn cứ. Trong vụ án này bị hại có lỗi trước, dùng điều cày đánh bị cáo H trước, gây thương tích nhẹ.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo M hoàn toàn bị động, không có sự chuẩn bị hung khí từ trước để chém anh D. Chỉ sau khi anh D chửi bới, đe dọa, xúc phạm, tát vào mặt H và dùng điều cày đánh vào đầu của H là em trai của M thì M mới nhặt con dao ở quán bà C chém D nhiều nhát. Nguyên nhân phạm tội của M hoàn toàn do hành vi trái pháp luật của D làm cho M bị kích động về tinh thần. Việc phạm tội của bị cáo M chỉ mang tính bột phát, không cố ý tước đoạt sinh mạng sống của anh D .

Bị cáo M có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ TNHS tại các điểm b, e, s Khoản 1, 2 Điều 51 BLHS và có nơi cư trú rõ ràng. Bản án sơ thẩm xử phạt bị cáo 30 tháng tù, cho hưởng án treo là phù hợp với quy định tại Điều 65 BLHS.

Đối với Lê Văn H, thời điểm gây thương tích cho Trương Xuân D thì Lê Văn H mới 17 tuổi 9 tháng 28 ngày nên được hưởng chính sách hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội quy định tại chương XII BLHS. Việc bị cáo phạm tội cũng hoàn toàn bị động. Chỉ sau khi anh D tát vào mặt bị cáo và dùng điều cày đánh vào đầu của H thì H mới có hành vi đánh trả và cùng với M gây thương tích cho D. Nguyên nhân phạm tội của H cũng hoàn toàn do hành vi trái pháp luật của D làm cho H bị kích động về tinh thần.

Bị cáo H có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự và có nhiều tình tiết giảm nhẹ TNHS tại các điểm b, e, s Khoản 1, 2 Điều 51 BLHS và là người chưa thành niên, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội. Bản án sơ thẩm xử phạt bị cáo 12 tháng tù, cho hưởng án treo là phù hợp với quy định tại Điều 65 BLHS.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Ngoài số tiền 02 bị cáo đã bồi thường trước 50.000.000đ thì anh D yêu cầu các bị cáo bồi thường thêm số tiền 27.486.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo và người bị hại đã thỏa thuận bị cáo M có trách nhiệm bồi thường tiếp cho anh D số tiền là 27.486.000đ. Việc thỏa thuận này là tự nguyện, không trái pháp luật, như bản án sơ thẩm đã quyết định là có căn cứ.

[6] Bản án sơ thẩm xét xử các bị cáo M, H về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ Khoản 2 Điều 134 BLHS và quyết định hình phạt cũng như phần bồi thường dân sự trong phần quyết định của bản án là có căn cứ. Anh D kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt, tăng bồi thường, không cho bị cáo hưởng án treo và hành vi của các bị cáo giết người là không có căn cứ nên HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bị hại, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Các Luật sư yêu cầu giám định lại thương tích anh D, yêu cầu hủy bản án sơ thẩm để xử lý các bị cáo về tội “Giết người” là không có căn cứ.

[7] Về án phí: Do anh D là người bị thiệt hại về sức khỏe có kháng cáo nên anh D không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại điểm đ Khoản 2 Điều 23 và điểm d Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/UBTV-QH14.

[8] Các nội dung khác không có kháng cáo, kháng nghị, không xem xét.
Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 355, Điều 356 BLTTHS;

Không chấp nhận kháng cáo của bị hại Trương Xuân D; giữ nguyên Bản án số 31/2019/HSST ngày 13/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành về phần hình sự và trách nhiệm dân sự đối với các bị cáo.

Áp dụng: Điểm đ Khoản 2 Điều 134; điểm b, e, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17, 58, 65 BLHS (đối với 02 bị cáo); áp dụng thêm Điều 90, 91, 101 BLHS (đối với H); Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Xử phạt: Lê Văn M 30 (ba mươi) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt: Lê Văn H 12 (mười hai) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (hai bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Lê Văn M, Lê Văn H cho UBND xã TB, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về trách nhiệm dân sự: Lê Văn M phải bồi thường tiếp cho anh Trương Xuân D số tiền 27.486.000 đồng (hai mươi bảy triệu, bốn trăm tám mươi sáu nghìn đồng).

Bị hại Trương Xuân D không phải chịu án phí hình sự, dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Hà nội;
- VKSND Cấp cao tại Hà nội;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND huyện Thạch Thành;
- TAND huyện Thạch Thành;
- Công an huyện Thạch Thành;
- Thi hành án HS, DS Thạch Thành;
- bị cáo, lưu HSVA.

Dương Xuân Tuấn

